

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Nguyễn Công Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thanh T, sinh năm 1979; CCCD số: 031178003610; ĐKTT: Số D L, phường L, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số A, phố P, phường K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quang T1, sinh năm 1969; CCCD số: 031069026727; nơi cư trú: Số D L, phường L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L (nay là phường L), thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 11 năm 2006.

Sau khi kết hôn, cả hai chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ ông Phạm Quang T1 ở địa chỉ số nhà D L, phường L, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có hòa thuận, hạnh phúc, đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2009 do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia đình, bạn bè khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên đến năm 2021, bà Đỗ Thanh T đã chuyển đi nơi ở khác, sống ly thân với ông Phạm Quang T1 từ đó đến nay; hiện tại không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Đỗ Thanh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Quang T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Đỗ Khánh C - sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007 và Phạm Đỗ Nam K - sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009. Ly hôn bà Đỗ Thanh T đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Đỗ Nam K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Phạm Đỗ Khánh C đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

- Về tài sản: Bà Đỗ Thanh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Quang T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng như nguyên đơn đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; mâu thuẫn đã căng thẳng khi bà Đỗ Thanh T đã bỏ đi nơi khác, sống ly thân với ông từ năm 2021. Mặc dù ông Phạm Quang T2 đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên nhưng bà Đỗ Thanh T không đồng ý quay về đoàn tụ nên tình cảm vợ chồng nhạt dần. Nay bà Đỗ Thanh T xin ly hôn, ông Phạm Quang T1 có quan điểm hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân nhưng do con chung Phạm Đỗ Nam K chưa đủ tuổi trưởng thành nên ông không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như nguyên đơn đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn ông Phạm Quang T1 đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Đỗ Nam K cho ông trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Phạm Đỗ Khánh C đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

- Về tài sản: Ông Phạm Quang T1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp; những

người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho bà Đỗ Thanh T được ly hôn với ông Phạm Quang T1; về con chung: Giao con chung Phạm Đỗ Nam K - sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009 cho bà Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; con chung Phạm Đỗ Khánh C - sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống; về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết; về án phí: Bà Đỗ Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, ông Phạm Quang T1 cư trú trên địa bàn phường L, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hải Phòng đã thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L (nay là phường L), thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 11 năm 2006. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho bà Đỗ Thanh T được ly hôn với ông Phạm Quang T1. Ông Phạm Quang T1 có quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm của ông Phạm Quang T1.

[3] Về con chung: Bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 có 02 con chung Phạm Đỗ Khánh C - sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007 và Phạm Đỗ Nam K - sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009. Ly hôn, bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 đều

có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Đỗ Nam K. Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện nuôi con của các bên là ngang nhau nhưng con chung hiện đang do bà Đỗ Thanh T đang trực tiếp nuôi dưỡng nên để con chung có cuộc sống ổn định cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung; việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do các đương sự tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Phạm Đỗ Khánh C - sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Đỗ Thanh T được ly hôn với ông Phạm Quang T1.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Đỗ Nam K - sinh ngày 19 tháng 10 năm 2009 cho bà Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con chung Phạm Đỗ Khánh C - sinh ngày 04 tháng 8 năm 2007 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thanh T và ông Phạm Quang T1 không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Bà Đỗ Thanh T đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/25E số 0003551 ngày 10 tháng 10 năm 2025 nên không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- UBND phường Lê Chân, TP.Hải Phòng (GCNKH số 122/quyển số 1 ngày 21/11/2006 – Hồ Nam);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch